



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

ĐƠN VỊ: KHOA NGOẠI NGỮ

Ban hành kèm theo QĐ số 225/QĐ-ĐHCN
ngày 17/05/2019



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

Hà Nội, 2019

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO*Chương trình: Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh**Năm ban hành: 2019***1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tên chương trình (tiếng Việt):	Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh
Tên chương trình (tiếng Anh):	English Linguistics
Mã ngành:	8220201
Đơn vị cấp bằng cấp bằng:	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:	Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Thời gian đào tạo:	2,0 năm
Đơn vị giảng dạy:	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Đơn vị quản lý CTĐT:	Khoa Ngoại ngữ

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Đơn vị Khoa Ngoại ngữ, nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1 Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Công Thương, có truyền thống đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ kinh tế, công nhân kỹ thuật lâu đời nhất Việt Nam (tiền thân là Trường Chuyên nghiệp Hà Nội thành lập năm 1898 và Trường Chuyên nghiệp Hải Phòng thành lập năm 1913) và là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ.

2.1.1 Tầm nhìn

Trở thành đại học đào tạo, nghiên cứu khoa học ứng dụng đa năng, phát triển theo mô hình đại học thông minh; đạt chuẩn quốc tế trong một số lĩnh vực then chốt; là sự lựa chọn hàng đầu của người học, cộng đồng và doanh nghiệp.

2.1.2 Sứ mạng

Đào tạo nhân lực chất lượng cao; sáng tạo và chuyển giao tri thức, công nghệ tới xã hội và cộng đồng đáp ứng yêu cầu thời kỳ cách mạng công nghiệp, phục vụ xã hội và đất nước.

2.1.3 Mục tiêu chiến lược

Mục tiêu chung:

Trở thành đại học khoa học ứng dụng hàng đầu Việt Nam, theo mô hình tự chủ toàn diện, đi đầu trong xu thế chuyển đổi số và quản trị thông minh. Sản phẩm giáo dục đào tạo nằm trong tốp đầu Việt Nam về khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, được ghi nhận về năng lực sáng tạo và khởi nghiệp; Sản phẩm khoa học công nghệ được công nhận và ứng dụng rộng rãi trong nước, một số lĩnh vực đạt tầm khu vực và quốc tế;

Mục tiêu cụ thể từng lĩnh vực:

① Chiến lược phát triển đào tạo

- Xây dựng Trường Đại học Công nghiệp trở thành một cơ sở đào tạo chất lượng cao theo định hướng ứng dụng, nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước và quốc tế với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:
 - Các chương trình đào tạo được thiết kế theo định hướng ứng dụng và thường xuyên được cập nhật, chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo được công khai và đảm bảo đánh giá định lượng được;
 - Ít nhất 10% thời lượng của mỗi chương trình đào tạo được dành cho thực tập thực tế và hoạt động giảng dạy, báo cáo chuyên đề, seminar bởi các giảng viên thỉnh giảng, các chuyên gia, báo cáo viên có uy tín hoặc kinh nghiệm thực tế ở trong và ngoài nước;
 - Tổ chức và quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ với tất cả các chương trình đào tạo;
 - Quy mô đào tạo chính quy dài hạn duy trì trong khoảng 30.000 – 32.000 sinh viên, trong đó đào tạo trình độ đại học chiếm trên 90%; tỉ lệ sinh viên/giảng viên đảm bảo đúng quy định của Nhà nước; giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt 25% vào năm 2020; Số chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình liên kết đào tạo, đồng cấp bằng với các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài chiếm ít nhất 10% tổng số chương trình đào tạo;
 - Có ít nhất 03 chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi giảng viên, sinh viên với các trường đại học nước ngoài;
 - Nâng cao chất lượng đào tạo và khảo thí tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp.

② Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ

- Xây dựng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội thành trung tâm nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ uy tín và tin cậy, đủ khả năng tiếp cận và phát triển các công nghệ tiên tiến, ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội của đất nước;

- Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học gắn với đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng và phát triển đào tạo. Phấn đấu đến năm 2020, hoạt động khoa học và công nghệ một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến, hiện đại của khu vực và thế giới;

- Đưa khoa học và công nghệ đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của Nhà trường và sự phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, Ngành, Nhà nước. Đóng góp tích cực vào việc nâng cao vị thế và thương hiệu của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Phấn đấu đến năm 2020 doanh thu từ hoạt động khoa học và công nghệ chiếm 20% tổng doanh thu của toàn Trường.

③ Chiến lược phát triển cơ sở vật chất, nguồn tài chính

- Xây dựng cơ sở vật chất (giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện, ký túc xá, cơ sở văn hoá-thể thao) của trường đạt tiêu chuẩn TCVN 20-1985 theo hướng hiện đại ngang tầm các nước trong khu vực ASEAN;

- Xây dựng phương án tự chủ đại học, đa dạng hóa nguồn thu, phấn đấu tăng doanh thu tài chính 10% mỗi năm; Sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn lực tài chính cho các hoạt động của Nhà trường, từng bước cải thiện nâng cao đời sống cho cán bộ, viên chức và người lao động.

④ Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển hợp lý nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển cơ cấu tổ chức và các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường;

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, lương tâm nghề nghiệp, yêu nghề, gắn bó với Nhà trường để đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường;

- Quy mô đội ngũ đến năm 2020: Toàn trường có 1800 cán bộ, viên chức, trong đó có 1500 giảng viên. Đảm bảo tỷ lệ quy đổi giảng viên/sinh viên đạt 1/20 đối với khối ngành kỹ thuật, 1/25 đối với khối ngành KT-XH;

- Về chất lượng đội ngũ: Đến năm 2020, số giảng viên đạt trình độ tiến sĩ là 25%, đạt trình độ thạc sĩ là 75%, 50% giảng viên dưới 40 tuổi có trình độ ngoại ngữ để có thể tham gia các chương trình đào tạo ở nước ngoài; 100% cán bộ quản lý có trình độ từ thạc sĩ; 100% cán bộ phục vụ có trình độ từ đại học trở lên, sử dụng thành thạo máy vi tính trong công tác quản lý, nghiệp vụ;

- Xây dựng và chuẩn hoá đội ngũ viên chức và cán bộ quản lý theo yêu cầu của từng vị trí công tác trong trường;

- Xây dựng chính sách thu hút, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng toàn diện về chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp sư phạm, tin học, ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên.
- ⑤ Chiến lược nâng cao năng lực quản trị Nhà trường và đảm bảo chất lượng
- Nâng cao năng lực quản trị đại học theo mô hình quản trị tiên tiến, phù hợp với xu thế Quốc tế; Thiết lập và áp dụng hệ thống Đại học Điện tử theo mô hình BPM (Business Process Management – Quản trị quá trình tác nghiệp) vào thực hiện và quản lý các hoạt động của Nhà trường;
 - Đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - 100% chương trình đào tạo được tự đánh giá theo chuẩn quốc gia hoặc quốc tế trong đó ít nhất 20% được kiểm định và công nhận.
- ⑥ Chiến lược phát triển quan hệ doanh nghiệp và việc làm cho sinh viên
- Trở thành trường đại học có quan hệ hợp tác với doanh nghiệp và hỗ trợ việc làm cho sinh viên hàng đầu ở khu vực phía Bắc. Khẳng định hợp tác với doanh nghiệp là nhân tố tích cực trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường;
 - Phát triển quan hệ hợp tác với doanh nghiệp theo chiều sâu, hiệu quả, bền vững theo nguyên tắc đôi bên cùng có lợi;
 - Đến năm 2020, tỷ lệ sinh viên có việc làm đạt trên 85% tại thời điểm sau khi tốt nghiệp 6 tháng, 100% giảng viên giảng dạy chuyên ngành có hoạt động hợp tác với doanh nghiệp, 30% môn học chuyên ngành có sự tham gia giảng dạy/hướng dẫn của chuyên gia đến từ doanh nghiệp.
- ⑦ Chiến lược phát triển Thương hiệu và Văn hóa Đại học Công nghiệp Hà Nội
- 100% các yếu tố nhận diện thương hiệu được sử dụng thống nhất trong Nhà trường. Tất cả cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên Nhà trường xác định và giải thích chính xác ý nghĩa các yếu tố nhận diện thương hiệu của trường;
 - 100% cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên đạt các tiêu chí “Văn hóa Đại học Công nghiệp Hà Nội”;
 - 100% chương trình đào tạo, sản phẩm khoa học công nghệ, thành tích trong các hoạt động của Nhà trường được thông tin và truyền thông rộng rãi tới khách hàng và các bên quan tâm. Website thông tin của Nhà trường nằm trong top 500 website được truy cập nhiều nhất Việt Nam;
 - 60% doanh nghiệp có quan hệ thường xuyên với Nhà trường được lấy ý kiến đánh giá về chất lượng đào tạo và uy tín thương hiệu Nhà trường. 15% sinh viên tốt nghiệp được lấy ý kiến đánh giá về chất lượng các hoạt động của Nhà trường.
- ⑧ Chiến lược phát triển hợp tác quốc tế
- Tiếp cận và bắt kịp trình độ, chuẩn mực giáo dục tiên tiến của khu vực và thế giới, qua đó tiếp nhận, chia sẻ tài nguyên và kinh nghiệm phát triển, hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tiếp tục mở rộng quan hệ Quốc tế hiện có;

- Có quan hệ hợp tác Quốc tế về đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ với các nước trong khu vực và các nước có nền giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ tiên tiến trên thế giới;

- Huy động sự giúp đỡ, hỗ trợ của các tổ chức, trường đại học Quốc tế phục vụ công tác đào tạo và NCKH, nhằm tăng cường nguồn lực cơ sở vật chất và học bổng cho học sinh, sinh viên; Phát huy tiềm năng của Nhà trường về hợp tác Quốc tế trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ;

- Mỗi năm có từ 1-2 nhiệm vụ hợp tác Quốc tế về khoa học và công nghệ.

Hệ thống giá trị cốt lõi: Kiên định - Khoa học- Khách hàng - Kỹ nghệ - Kết nối

- Khác biệt - Kỷ cương - Khách quan.

2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng – Chiến lược phát triển của Đơn vị Khoa Ngoại ngữ

2.2.1. Tầm nhìn

Khoa Ngoại ngữ phát triển thành một trung tâm nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực hàng đầu trong lĩnh vực Ngôn ngữ/ Ngoại ngữ của Việt Nam, ngang tầm với các trường đại học uy tín trong nước, khu vực và quốc tế theo định hướng ứng dụng.

2.2.2. Sứ mạng

Sứ mạng của Khoa Ngoại ngữ là trở thành đơn vị đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức, có đủ kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp để thực hiện được công tác biên dịch, phiên dịch, đào tạo, quản lý, tư vấn, NCKH và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Ngôn ngữ/ Ngoại ngữ.

2.2.3. Chiến lược phát triển

2.2.3.1. Công tác chính trị tư tưởng

Để đảm bảo chất lượng đào tạo được phát triển toàn diện, Khoa Ngoại ngữ cần triển khai những chính sách và hoạt động cụ thể. Đầu tiên là công tác chính trị, tư tưởng, truyền thông và cải cách hành chính. Được sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, Chi bộ Khoa Ngoại ngữ, cán bộ viên chức cũng như học viên của đơn vị luôn quán triệt đầy đủ và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương của ngành Giáo dục và Đào tạo; phát huy quyền làm chủ của cán bộ viên chức, học viên, gắn liền với sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể quần chúng. Toàn thể cán bộ đoàn kết, đồng lòng với các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như Nhà trường, góp phần xây dựng Nhà trường ngày càng vững mạnh.

2.2.3.2. Công tác học viên

Khoa Ngoại ngữ đã xây dựng kênh liên lạc thường xuyên giữa học viên và cố vấn học tập, trưởng ngành và trợ lý khoa về các vấn đề liên quan đến học tập, rèn luyện, sinh hoạt, quyền và nghĩa vụ của học viên. Khoa Ngoại ngữ nắm bắt thông tin và giải quyết kịp thời những kiến nghị, đề xuất của học viên.

2.2.3.3. Đội ngũ giảng viên

Khoa Ngoại ngữ có chiến lược xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ được đào tạo ở trong và ngoài nước. Cụ thể, mục tiêu đến năm 2025 có 05 giảng viên có học hàm PGS, 20 giảng viên trình độ tiến sĩ, còn lại đạt trình độ thạc sĩ.

Để đội ngũ giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn và đổi mới phương pháp giảng dạy, Khoa Ngoại ngữ sẽ xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm qua các khóa bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy hiện đại do chuyên gia có uy tín trong và ngoài nước giảng dạy.

Ban Chủ nhiệm Khoa Ngoại ngữ luôn khuyến khích, động viên đội ngũ giảng viên Khoa Ngoại ngữ nâng cao tinh thần không ngừng tự học, tự bồi dưỡng thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, các buổi hội thảo, hội giảng các cấp hàng năm.

2.2.3.4. Chương trình đào tạo

Khoa Ngoại ngữ xây dựng, cập nhật và điều chỉnh Chương trình đào tạo thường xuyên cho phù hợp với xu thế chung, nội dung giảng dạy được thiết kế đa dạng, phong phú, mang tính ứng dụng cao và theo định hướng nghề nghiệp. Chương trình đào tạo ngoại ngữ không chuyên bám sát định hướng chuẩn đầu ra; nội dung giảng dạy cho học viên chuyên ngữ được điều chỉnh linh hoạt để có thể phù hợp với xu hướng giáo dục hiện đại. Ngoài ra, Khoa Ngoại ngữ đã, đang và sẽ xây dựng các kế hoạch phối hợp với tổ chức Hội Đồng Anh (British Council), Văn phòng Tiếng Anh khu vực (RELO Vietnam), Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, Hội nghiên cứu và giảng dạy tiếng Anh (VietTESOL) v.v.. mở nhiều khóa bồi dưỡng về phát triển chương trình đào tạo, xây dựng học liệu cho cán bộ giảng viên ngoại ngữ.

2.2.3.5. Nghiên cứu khoa học & hợp tác quốc tế

Công tác nghiên cứu khoa học, xuất bản và hợp tác quốc tế cũng là một trong những ưu tiên trọng điểm của Khoa kể từ khi thành lập. Với chức năng nhiệm vụ là đào tạo và nghiên cứu khoa học, lãnh đạo đơn vị luôn quan tâm chỉ đạo cán bộ đầu tư thời gian và công sức NCKH để nâng cao trình độ, cải tiến phương pháp giảng dạy và

nâng cao chất lượng đào tạo. Đặc biệt là những hoạt động chuyên môn liên quan đến Đề án Ngoại ngữ Quốc gia. Giai đoạn 2021-2025, Khoa Ngoại ngữ dự kiến tổ chức các chương trình hội thảo, khóa bồi dưỡng nâng cao với sự tham gia của những học giả uy tín từ các trường Đại học hàng đầu trong và ngoài nước như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Queensland (Úc), Đại học Flinders (Úc), Đại học RMIT Australia, Đại học bang Georgia (Mỹ), Đại học Reading (Anh), Đại học Victoria (New Zealand) v.v...

Về hợp tác quốc tế, Khoa Ngoại ngữ tiếp tục phát triển chương trình liên kết quốc tế với Trường Đại học Khoa học Kỹ thuật Quảng Tây – Trung Quốc. Ngoài ra, Khoa Ngoại ngữ đã, đang và sẽ tiếp tục xây dựng mối quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức, đơn vị đào tạo lớn trên thế giới như Hội Đồng Anh, Đại sứ quán Mỹ, Văn phòng tiếng Anh khu vực RELO, Hội nghiên cứu và giảng dạy tiếng Anh VietTESOL v.v...

2.2.3.6. Cơ sở vật chất

Một nhiệm vụ quan trọng khác trong việc đảm bảo chất lượng của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội và Khoa Ngoại ngữ là tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị và đời sống. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và chuyên môn nghiệp vụ do Nhà trường phân bổ. Thiết bị máy móc tại phòng học chuyên môn, phòng lab và các thiết bị tại văn phòng luôn được bảo trì, kiểm tra định kỳ bởi cán bộ chuyên trách. Phần đầu đến năm 2020 có thêm nhiều phòng làm việc đặt tại tầng 3 và 4 nhà A2. Các phòng làm việc sẽ được trang bị đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác chuyên môn, quản lý: máy tính kết nối mạng internet, máy in, điều hòa, máy chiếu, máy photocopy... để phục vụ riêng cho việc giảng dạy, học tập lý thuyết và nghiên cứu cho Học viên. Tất cả các phòng học sẽ được trang thiết bị nghe nhìn hiện đại như màn hình tương tác; máy tính; hệ thống âm thanh loa, micro; bàn, ghế chuyên dụng cho việc giảng dạy và học tập tiếng Anh. Đối với tài liệu dạy học, vật dụng phục vụ cán bộ văn phòng, Khoa Ngoại ngữ chủ trương đảm bảo phân bổ hợp lý để việc sử dụng được hiệu quả, phù hợp và không lãng phí.

2.3. Mục tiêu của chương trình

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, trình độ thạc sĩ được thiết kế với mục tiêu đào tạo như sau:

2.3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh được xây dựng theo định hướng ứng dụng, nhằm đào tạo đội ngũ chuyên môn có kiến thức sâu rộng và cập nhật về ngôn ngữ học nói chung và ngôn ngữ Anh nói riêng; ngôn ngữ và văn hóa các nước nói tiếng Anh; các kiến thức khoa học liên quan. Đồng thời vận dụng sáng tạo các kiến thức được học vào thực tế công việc nghiên cứu ngôn ngữ Anh, nghiệp vụ Biên dịch, Phiên dịch và giảng dạy Tiếng Anh một cách hiệu quả. Học viên sau khi tốt nghiệp có các kỹ năng cơ bản như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề, kỹ năng khám phá tri thức mới, kỹ năng nghiên cứu khoa học độc lập, kỹ năng làm việc nhóm....; đồng thời có tư duy tích cực, phản biện, sáng tạo, có thể tiếp nhận và phân tích thông tin đa chiều một cách hiệu quả để phục vụ công việc chuyên môn. Học viên cũng tích lũy phẩm chất và trau dồi kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp cần thiết để trở thành nhà khoa học có khả năng hướng dẫn, dẫn dắt chuyên môn ngành Ngôn ngữ Anh và có thể tiếp tục tự học và tham gia học tập ở bậc học cao hơn.

Các mục tiêu cụ thể của Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh được mô tả cụ thể dưới đây:

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

Học viên sau khi tốt nghiệp chương trình ngôn ngữ Anh trình độ Thạc sĩ cần đạt được những mục tiêu cụ thể sau đây:

MT1: Nắm vững kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, các nguyên lý và học thuyết cơ bản về triết học và ngôn ngữ học;

MT2: Nắm vững phương pháp luận nghiên cứu khoa học, kiến thức dịch thuật nâng cao, kiến thức về thiết kế và phát triển các khoá học tiếng Anh và kiến thức chung về quản trị, quản lý trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh;

MT3: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề chuyên môn một cách khoa học; có kỹ năng truyền đạt tri thức liên quan đến ngành ngôn ngữ Anh một cách khoa học; có kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động liên quan đến lĩnh vực chuyên môn ngành Ngôn ngữ Anh.

MT4: Có kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong các hoạt động chuyên môn ngành ngôn ngữ Anh; và trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; phát triển các phẩm chất,

kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp cần thiết để phục vụ học tập, nghiên cứu và các công tác chuyên môn trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh.

MT5: Có khả năng tự định hướng, thích nghi phù hợp với môi trường nghề nghiệp thay đổi; quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn để đưa ra giải pháp hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tiễn.

MT6: Thực hiện tư vấn, hướng dẫn chuyên sâu trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh nói riêng, và lĩnh vực ngôn ngữ nói chung và đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.

3. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Học viên sau khi tốt nghiệp trình độ Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh có thể đảm nhận những vị trí công tác sau đây:

- Nhà khoa học có khả năng hướng dẫn, dẫn dắt chuyên môn ngành ngôn ngữ Anh;
- Chuyên viên các tổ chức giáo dục, viện nghiên cứu trong và ngoài nước về các vấn đề liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh;
- Biên dịch viên, phiên dịch viên tiếng Anh ở trình độ nâng cao; chuyên gia đánh giá văn bản dịch;
- Giáo viên tiếng Anh tại các trung tâm ngoại ngữ, trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, giảng viên tiếng Anh tại các học viện, các trường đại học và cao đẳng chuyên và không chuyên ngoại ngữ.

4. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

4.1. Thông tin tuyển sinh

- Quy chế tuyển sinh:

Theo quy chế tuyển sinh thạc sĩ của Bộ GD&ĐT, quy chế tuyển sinh thạc sĩ của trường ĐHCNHN cập nhật tại <https://cps.hau.edu.vn/vn>.

- Đối tượng tuyển sinh:

Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp;

Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

- Phương thức tuyển sinh:

Phương thức tuyển sinh cho từng năm tuyển sinh do Trường quyết định, bao gồm xét tuyển, thi tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.

4.2. Quy trình đào tạo

- Quy chế đào tạo sử dụng là quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, tạo điều kiện để học viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

- Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng gồm 60 tín chỉ đối với người có trình độ thuộc ngành phù hợp.

- Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời bảo đảm đa số học viên hoàn thành chương trình đào tạo.

- Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ, đối với hình thức đào tạo chính quy là 1,5 năm (18 tháng) tính từ thời điểm công nhận học viên, gồm 03 học kỳ; đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 2,0 năm (24 tháng) tính từ thời điểm công nhận học viên, gồm 04 học kỳ.

- Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khóa học được quy định trong Quy chế này và không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

4.3 Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp

Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp như sau:

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án tốt nghiệp đạt yêu cầu;

- Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn;

- Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên;

- Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của chủ tịch hội đồng hoặc thành viên hội đồng được chủ tịch hội đồng ủy quyền về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện, nộp luận văn cho Nhà trường để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định;

- Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của Nhà trường quy định.

Điều kiện khác do Hiệu trưởng Nhà trường quy định.

5. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

Khoa Ngoại ngữ có 07 Bộ môn đào tạo chuyên môn: Bộ môn Ngôn ngữ Anh, Bộ môn Ngôn ngữ Trung Quốc, Bộ môn Ngôn ngữ Nhật Bản, Bộ môn Ngôn ngữ Hàn Quốc. Hiện nay Bộ môn tham gia trực tiếp đào tạo là Bộ môn Ngôn ngữ Anh có hơn 200 cán bộ, giảng viên, trong đó có 01 Phó giáo sư và 10 tiến sĩ, 120 thạc sĩ và 45 cử nhân đại học. Độ tuổi bình quân của cán bộ, giảng viên là 38 tuổi.

Bảng 1. Thống kê đội ngũ giảng viên của Khoa Ngoại ngữ năm 2019

Stt	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30 – 40	41– 50	51 – 60	>60
1	Giáo sư/Phó giáo sư	1			1					
2	Tiến sĩ	10		2	8					
3	Thạc sĩ	120		6	139					
4	Đại học	45		4	31					
Tổng số										

Đơn vị Khoa Ngoại ngữ hiện tại đang quản lý 03 phòng thí nghiệm chuyên ngành phục vụ cho học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và học viên. Các phòng thí nghiệm và thiết bị được phân công quản lý bởi Bộ môn Ngôn ngữ Anh.

Bảng 2. Thống kê phòng thí nghiệm chuyên ngành

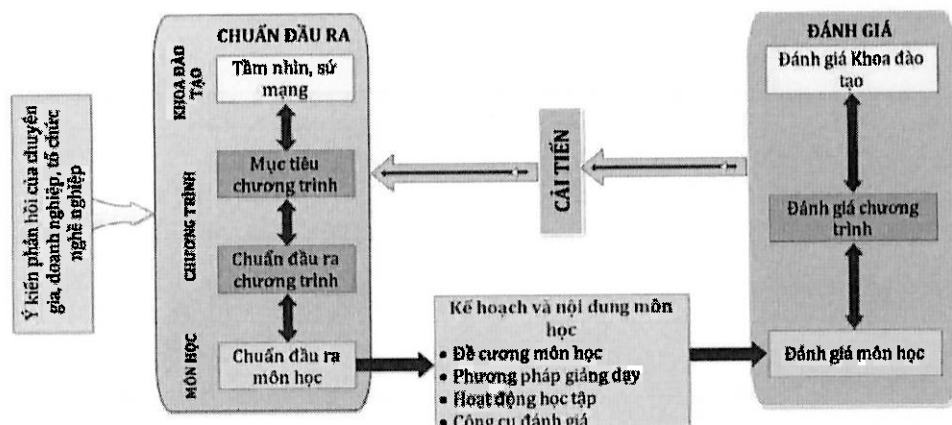
TT	Tên phòng thí nghiệm	Vị trí
1	Phòng thực hành Phiên dịch số 1	P538 - A14
2	Phòng thực hành Phiên dịch số 2	P539 - A14
3	Phòng thu âm	P306-A12

Các phòng thí nghiệm chuyên ngành được đầu tư các thiết bị và mô hình hiện đại đáp ứng nhu cầu đào tạo Khoa Ngoại ngữ.

6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của ngành thạc sĩ Ngôn ngữ Anh tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ CTĐT, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh

giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá học phần và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.



Hình 1. Mô tả tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra của Đơn vị Khoa Ngoại ngữ

6.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy chương trình ngành thạc sĩ Ngôn ngữ Anh lịch cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau:

- Nắm rõ thông tin học phần mà mình đang giảng dạy (học phần có lý thuyết hay thực hành; học phần bắt buộc hay tự chọn);
- Nắm rõ hình thức, phương pháp dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp);
- Hiểu rõ lớp học phần (Danh sách học viên, lớp, khóa đào tạo)
- Hiểu rõ về chính sách trong học tập;

6.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Phương pháp thích nghi với người học, đặt trọng tâm ở người học;
- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của GV và SV: Người học cần nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú hơn, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;
- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp, giảng dạy gián tiếp, học tập trải nghiệm, giảng dạy tương tác, và học tập độc lập.
- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng 4.

Bảng 3. Chiến lược và phát triển giảng dạy

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các học phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của Học viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, seminar	Thuyết giảng; Bài học; Câu hỏi gợi ý, chẩn đoán Trình diễn mẫu, Luyện tập và thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực tập tốt nghiệp, đề án tốt nghiệp	Yêu cầu; Giải quyết vấn đề; Nghiên cứu tình huống; Xây dựng ý tưởng
Học tập trải nghiệm	Các học phần cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành và thí nghiệm trong phòng thí nghiệm	Mô phỏng; Thực tế Thí nghiệm
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các học phần của chương trình đào tạo. Học viên thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tế tốt nghiệp, đề án tốt nghiệp	Tranh luận; Thảo luận; Giải quyết vấn đề; Động não
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, đề án tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân; Kế hoạch nghiên cứu

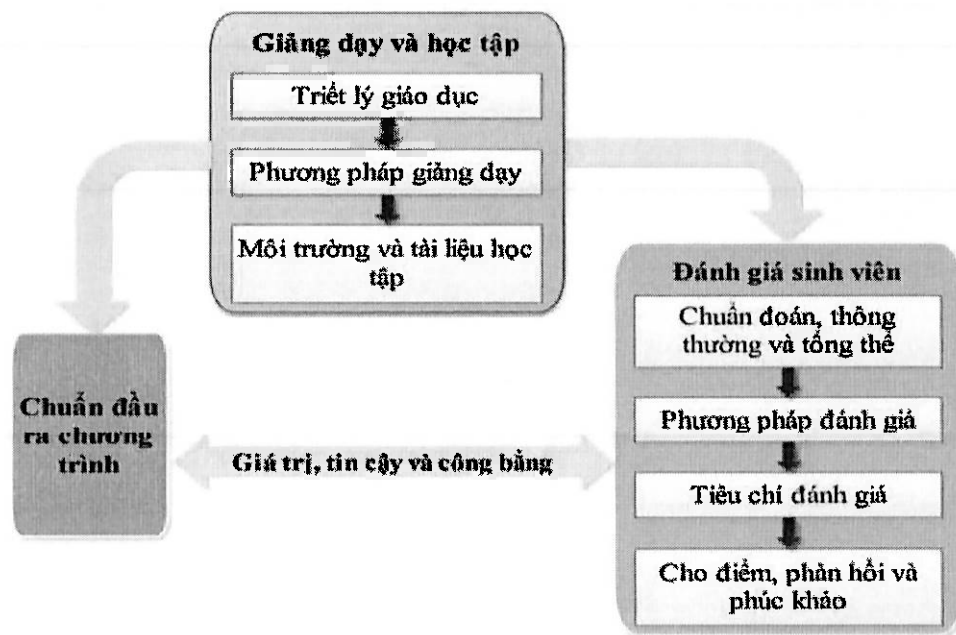
6.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ tối thiểu 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan;
- Có nhiều hình thức hỗ trợ học viên trong nghiên cứu ngôn ngữ và các lĩnh vực liên quan, phù hợp với nhu cầu của xã hội trong giai đoạn hội nhập;
- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của học viên về phương pháp dạy học, phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của GV;
- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

7.1. Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá học viên dựa trên chuẩn đầu ra cấp học phần. Chuẩn đầu ra cấp học phần phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra cấp CTĐT ngành thạc sĩ Ngôn ngữ Anh. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá học viên bao gồm các hình thức đánh giá trong kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: bài kiểm tra tự luận, vấn đáp, dự án, đề án tốt nghiệp. Chuẩn đánh giá có thể dựa vào các rubrics môn học. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, học viên được thực hiện theo quy trình (Hình 2).



Hình 2. Quy trình giảng dạy học tập và đánh giá học viên

7.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

Quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Cấu trúc chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các học phần từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Ngôn ngữ Anh được thiết kế gồm 06 học phần bắt buộc, 07 học phần tự chọn, 01 luận văn tốt nghiệp, học viên phải hoàn thành

ít nhất 45 tín chỉ. Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức chung, cơ sở, chuyên ngành và tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các học phần, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, rèn luyện được tác phong, kỷ luật, nâng cao khả năng tự đọc, tự nghiên cứu độc lập.

8.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy 45 tín chỉ

Khối lượng học tập	Tổng số	Số tín chỉ				Tỷ lệ (%)
		LT	TH/TN	Thảo luận	TT/ĐA	
Kiến thức Giáo dục đại cương	3	45				6,7
Kiến thức Cơ sở ngành	12	180				26,7
Kiến thức Chuyên ngành	20	300				44,4
Kiến thức Tốt nghiệp	10	0			150	22,2
Tổng cộng	45	675			150	100%

8.2 Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
			Tổng số	LT	TH, TN, TL
I	Phần kiến thức chung		3	3	0
1	FL7001	Triết học (Philosophy)	3	3	0
II	Phần kiến thức cơ sở ngành		12	12	0
II.1	Bắt buộc		6	6	0
1	FL7002	Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	3	3	0
2	FL7003	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Scientific Research Methods)	3	3	0
II.2	Tự chọn (chọn 3 trong 5 học phần)		6	6	0
1	FL7004	Tiếng Anh viết khoa học (Scientific Academic Written English)	2	2	0
2	FL7005	Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)	2	2	0
3	FL7006	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)	2	2	0
4	FL7007	Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive linguistics)	2	2	0
5	FL7008	Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purposes)	2	2	0
III	Phần kiến thức chuyên ngành		20	20	0
III.1	Bắt buộc		12	12	0
1	FL7009	Ngữ âm, âm vị học tiếng Anh nâng cao (Advanced English Phonetics and Phonology)	3	3	0
2	FL7010	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao (Advanced English Grammar)	3	3	0
3	FL7011	Ngữ nghĩa học tiếng Anh (English Semantics)	3	3	0

4	FL7012	Dịch thuật tài liệu chuyên ngành (ESP Translation)	3	3	0
III.2	Tự chọn (Chọn 4 trong 8 học phần)		8	8	0
1	FL7013	Ngữ dụng học tiếng Anh (English Pragmatics)	2	2	0
2	FL7014	Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)	2	2	0
3	FL7015	Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)	2	2	0
4	FL7016	Ngôn ngữ và Giao tiếp liên văn hóa (Language and Intercultural Communication)	2	2	0
5	FL7017	Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (Language Teaching Methodology)	2	2	0
6	FL7018	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (Language testing and evaluation)	2	2	0
7	FL7019	Ngữ pháp chức năng (Functional Grammar)	2	2	0
8	FL7020	Thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ (Curriculum design)	2	2	0
IV	Thực tập và luận văn tốt nghiệp		10	0	10
1	FL7022	Luận văn tốt nghiệp (Master Thesis)	10	0	10
Tổng cộng			45		

***Các ký hiệu viết tắt:**

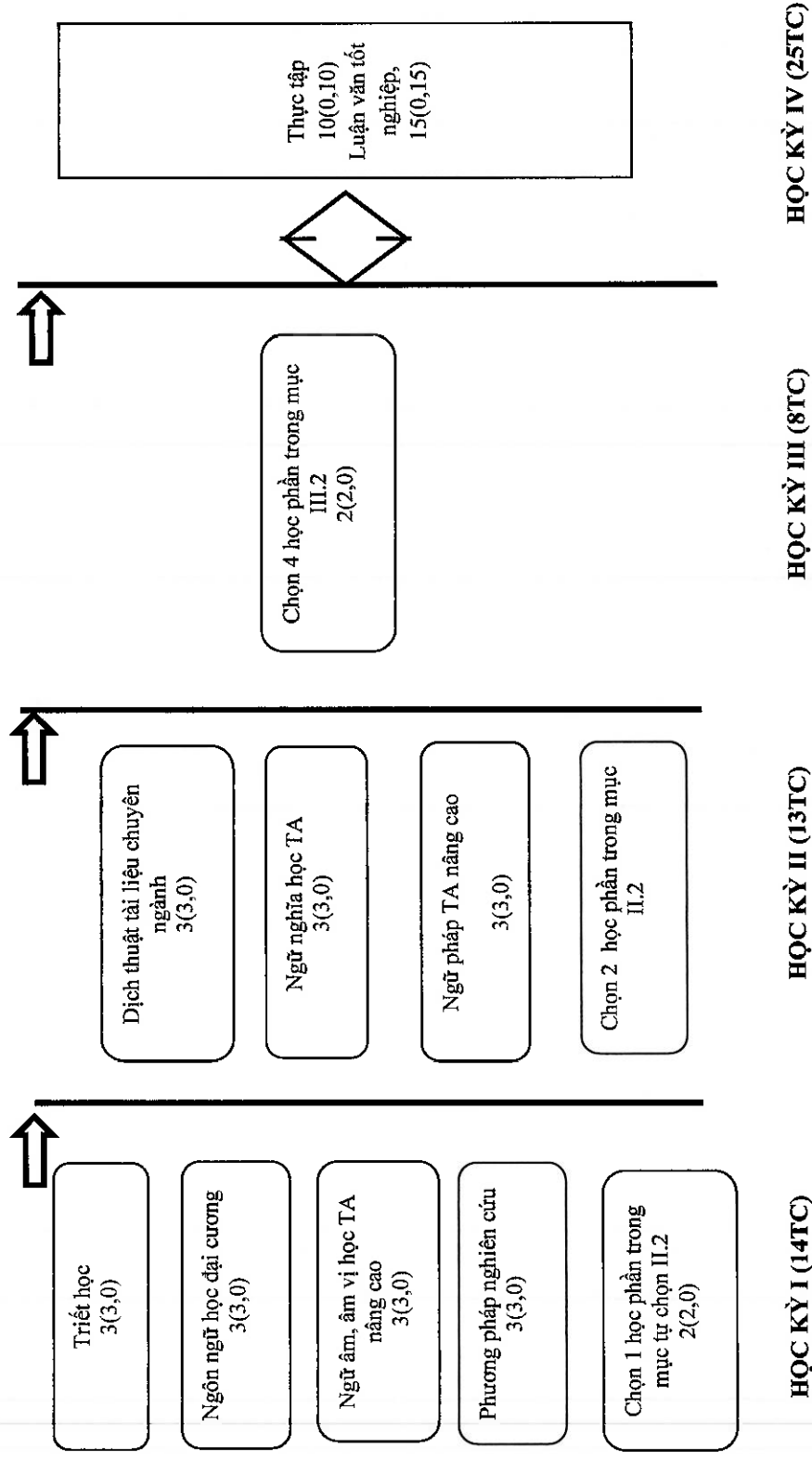
LT: Lý thuyết

TN: Thí nghiệm

TH: Thực hành

TL: Tiểu luận

8.3. Sơ đồ tiến trình đào tạo



8.4.Mô tả tóm tắt học phần

8.4.1.Triết học (Philosophy)

- Mã học phần: FL7001

- Số tín chỉ: 3(3,0)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Mô tả thông tin học phần: Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc các ngành khoa học xã hội - nhân văn. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản: Khái luận về triết học; thế giới quan và phương pháp luận của nhận thức và thực tiễn; lý luận triết học về chính trị, xã hội và con người; học thuyết hình thái kinh tế - xã hội và ý thức xã hội. Trên cơ sở đó, góp phần nâng cao tính khoa học và tính hiện đại của lý luận, gắn lý luận với những vấn đề của thời đại và của đất nước, đặc biệt là nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn, vào lĩnh vực khoa học chuyên môn của học viên cao học.

8.4.2.Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)

- Mã học phần: FL7002

- Số tín chỉ: 3(3,0)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Mô tả thông tin học phần: Học phần cung cấp cho học viên những tri thức lí luận cơ bản nhất về ngôn ngữ và ngôn ngữ học như: bản chất và chức năng của ngôn ngữ, hệ thống và cấu trúc ngôn ngữ, đặc điểm ngôn ngữ học truyền thống, nhận diện ngôn ngữ học cấu trúc luận và chức năng luận. Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng vận dụng được các vấn đề về lí luận ngôn ngữ vào học tập và nghiên cứu.

8.4.3.Phương pháp nghiên cứu khoa học (Scientific Research Methods)

- Mã học phần: FL7003

- Số tín chỉ: 3(3,0)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Mô tả thông tin học phần: Học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về các nguyên lý về nghiên cứu khoa học, khung lý thuyết vận dụng trong nghiên cứu và các phương pháp tổ chức nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế - xã hội. Từ đó, học viên hình thành kỹ năng nghiên cứu, vận dụng kiến thức để lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp, tổ chức thiết kế nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế - xã hội dựa trên phương pháp thu thập, phân tích dữ liệu phù hợp và có hệ thống. Đồng thời, giúp

học viên phát hiện vấn đề mới, cơ sở đề xuất giải pháp trong đời sống xã hội dựa trên dữ liệu thông tin.

8.4.4. Tiếng Anh viết khoa học (*Scientific Academic Written English*)

- Mã học phần: FL7004

- Số tín chỉ: 2(2,0)

- Loại học phần: Tự chọn

- Mô tả thông tin học phần: Học phần giới thiệu những khái niệm cơ bản về viết tiếng Anh học thuật như kỹ năng ghi nhớ, kỹ năng tóm tắt, kỹ năng chọn lọc tài liệu cho cơ sở lý thuyết, kỹ năng tạo thư viện điều từ để lưu giữ tư liệu. Học viên cũng được tạo cơ hội phát triển tư duy phê phán thông qua việc thực hành phân tích văn bản làm nền tảng cho các ý tưởng, luận điểm cho viết học thuật. Sau khi học xong học phần, học viên có thể sử dụng kiến thức và kỹ năng cần thiết trong quá trình viết tiếng Anh học thuật để thực hiện trong công việc và trong nghiên cứu ngôn ngữ.

8.4.5. Ngôn ngữ học xã hội (*Sociolinguistics*)

- Mã học phần: FL7005

- Số tín chỉ: 2(2,0)

- Loại học phần: Tự chọn

- Mô tả thông tin học phần: Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản về Ngôn ngữ học xã hội như bối cảnh ra đời, đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, phương pháp nghiên cứu của chuyên ngành; các khái niệm cơ bản như biến thể ngôn ngữ, cảnh huống ngôn ngữ, sự lựa chọn ngôn ngữ, các yếu tố và cấu trúc xã hội gây ảnh hưởng và bị ảnh hưởng bởi ngôn ngữ (giới tính, tuổi, dân tộc, văn hóa, v.v.); các nội dung nghiên cứu của ngôn ngữ học xã hội vĩ mô và ngôn ngữ học xã hội vi mô. Bên cạnh đó, học phần cũng trang bị cho học viên các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội để ứng dụng vào nghiên cứu ngôn ngữ. Sau khi hoàn thành học phần, học viên có thể khái quát hoá kiến thức về ngôn ngữ học xã hội, lí giải những hiện tượng ngôn ngữ học cụ thể và phân tích đặc điểm của từng địa hạt ứng dụng ngôn ngữ.

8.4.6. Ngôn ngữ học ứng dụng (*Applied Linguistics*)

- Mã học phần: FL7006

- Số tín chỉ: 2(2,0)

- Loại học phần: Tự chọn

- Mô tả thông tin học phần: Học phần trang bị cho học viên cấp kiến thức và kỹ năng sơ khởi về ứng dụng ngôn ngữ học trên 3 bình diện của Ngôn ngữ học ứng dụng (Kí hiệu học ngôn ngữ, Giáo dục ngôn ngữ và Các ứng dụng trong ngôn ngữ). Đồng thời, học phần cũng định hướng cho học viên thực hành các kỹ năng đó trong thực tế sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh.

8.4.7. *Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive linguistics)*

- Mã học phần: FL7007

- Số tín chỉ: 2(2,0)

- Loại học phần: Tự chọn

- Mô tả thông tin học phần: Học phần giới thiệu cho học viên lý thuyết, các hướng tiếp cận cơ bản với quá trình tri nhận ngôn ngữ của con người. Học phần trang bị cho học viên cái nhìn toàn diện, sâu sắc hơn về quá trình học ngôn ngữ, cũng như các kiến thức cơ bản làm nền tảng để hiểu về các phương pháp nghiên cứu, và đường hướng giảng dạy ngôn ngữ. Sau khi học xong học phần, học viên có thể nhận biết bản chất của quá trình tri nhận đặc thù tiếng mẹ đẻ và ngoại ngữ, phân tích các hiện tượng ngôn ngữ dưới góc nhìn của ngôn ngữ học tri nhận.

8.4.8. *Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purposes)*

- Mã học phần: FL7008

- Số tín chỉ: 2(2,0)

- Loại học phần: Tự chọn

- Mô tả thông tin học phần: Học phần Tiếng Anh chuyên ngành được thiết kế để cung cấp cho học viên khung lý thuyết để thiết kế và triển khai các khóa học tiếng Anh chuyên ngành; làm quen với các tài liệu tiếng Anh chuyên ngành. Học viên có thể vận dụng kiến thức tổng quan về tiếng Anh chuyên ngành để xác định đường hướng, nội dung, tài liệu và phương pháp giảng dạy cũng như hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp trong các khóa học tiếng Anh chuyên ngành. Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể thiết kế và phát triển một khóa học và tài liệu tiếng Anh để phù hợp với nhu cầu của một nhóm người học cụ thể.

8.4.9. *Ngữ âm, âm vị học tiếng Anh nâng cao (Advanced English Phonetics and Phonology)*

- Mã học phần: FL7009

- Số tín chỉ: 3(3,0)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Mô tả thông tin học phần: Học phần trang bị cho học viên kiến thức nâng cao về ngữ âm và âm vị học trong tiếng Anh, bao gồm những lý thuyết các loại hình ngữ âm học, các quy tắc về các đơn vị đoạn tính, các đơn vị siêu đoạn tính. Sau khi học xong học phần, học viên có thể nhận diện, ghi nhớ và phân biệt được các loại hình ngữ âm học (ngữ âm học cấu âm, ngữ âm học âm học, ngữ âm học thính giác, ngữ âm học nhận thức), các quy tắc về các đơn vị đoạn tính (nguyên âm, phụ âm, âm vị, biến đổi âm vị), các đơn vị siêu đoạn tính (âm tiết, trọng âm, thanh điệu, ngữ điệu). Đồng thời, học viên có thể vận dụng kiến thức về ngữ âm, âm vị học trong tiếng Anh, từ đó áp dụng vào thực tế sử dụng ngôn ngữ.

8.4.10. *Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao (Advanced English Grammar)*

- Mã học phần: FL7010

- Số tín chỉ: 3(3,0)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Mô tả thông tin học phần: Học phần Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao cung cấp kiến thức về một số kiến thức chung cơ bản về các trường phái ngữ pháp khác nhau như ngữ pháp truyền thống, ngữ pháp biến đổi- tạo sinh, ngữ pháp chức năng-hệ thống, ngữ pháp tri nhận, các đường hướng nghiên cứu ngữ pháp. Học phần tập trung vào các kiến thức về hình thái và cú pháp của ngôn ngữ tiếng Anh. Sau khi học xong học phần, học viên có thể sử dụng kiến thức vào phân tích, tổng hợp các đặc tính ngôn ngữ về ngữ pháp. Đồng thời, học viên có thể thực hiện những nghiên cứu chuyên sâu về ngữ pháp tiếng Anh và lý giải các hiện tượng ngữ pháp sử dụng trong thực tế.

8.4.11. *Ngữ nghĩa học tiếng Anh (English Semantics)*

- Mã học phần: FL7011

- Số tín chỉ: 3(3,0)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Mô tả thông tin học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về ngữ nghĩa học trong tiếng Anh như nghĩa và các vấn đề liên quan đến nghĩa, nghĩa của từ (phân loại nghĩa của từ, mối quan hệ về nghĩa của từ, sự biến đổi nghĩa của từ), nghĩa của câu (chức năng nghĩa của câu, nghĩa tình thái, nghĩa văn bản, nghĩa liên nhân, nghĩa biểu hiện), nghĩa của phát ngôn (hành động lời nói, hàm ngôn, tiền giả định, các nguyên tắc hội thoại).

- Sau khi học xong học phần ngữ nghĩa học tiếng Anh, học viên có thể sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác, đa dạng và linh hoạt hơn. Đồng thời, học viên có thể ứng dụng kiến thức vào nghiên cứu ngôn ngữ và công việc thực tế.

8.4.12. Dịch thuật tài liệu chuyên ngành (ESP Translation)

- Mã học phần: FL7012

- Số tín chỉ: 3(3,0)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Mô tả thông tin học phần: Học phần nhằm củng cố cho học viên kiến thức tổng quát về các khái niệm căn bản, các phương pháp, kỹ thuật dịch theo các chủ đề tiếng Anh chuyên ngành đồng thời nâng cao các phương pháp đánh giá, thẩm định chất lượng văn bản dịch. Học phần cũng giúp học viên mở rộng vốn từ vựng và kiến thức chuyên ngành để thực hiện các nhiệm vụ dịch. Sau khi học xong học phần, học viên có thể sử dụng kiến thức lĩnh hội để đưa vào thực hành dịch thuật các tài liệu chuyên ngành.

8.4.13. Ngữ dụng học tiếng Anh (English Pragmatics)

- Mã học phần: FL7013

- Số tín chỉ: 2(2,0)

- Loại học phần: Tự chọn

- Mô tả thông tin học phần: Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về ngữ dụng học Tiếng Anh, về ngữ nghĩa trong giao tiếp Tiếng Anh, về nghĩa của câu và phát ngôn như hàm ngôn và tiền giả định để có thể vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh, có thể hiểu được ý định giao tiếp của người nói trong hoàn cảnh giao tiếp nhất định. Các nội dung chính bao gồm: ngữ nghĩa của câu và phát ngôn, tiền giả định, tham chiếu, suy diễn, nguyên tắc cộng tác trong giao tiếp, hàm ngôn hội thoại, hàm ngôn qui ước, hoạt động lời nói... Sau khi học xong học phần, học viên có thể sử dụng kiến thức lĩnh hội để tiến hành các nghiên cứu về ngữ dụng học tiếng Anh và tiếng Việt phục vụ công việc liên quan đến ngoại ngữ.

8.4.14. Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)

- Mã học phần: FL7014

- Số tín chỉ: 2(2,0)

- Loại học phần: Tự chọn

- Mô tả thông tin học phần: Học phần được xây dựng nhằm cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về diễn ngôn với tư cách là một đơn vị giao tiếp, với những hình thức thể hiện và chức năng cơ bản nhất. Đồng thời, học phần cũng giới thiệu những đặc điểm về chủ đề, cấu trúc nội dung và những công cụ phân tích diễn ngôn. Nội dung học phần bao gồm một số chủ đề như các vấn đề cơ bản của phân tích diễn ngôn, đặc trưng của diễn ngôn, các công cụ vấn hỏi và phân tích diễn ngôn. Sau khi học xong học phần, người học nắm được mối liên quan chặt chẽ giữa chúng và ứng dụng một số đường hướng trong phân tích diễn ngôn để phân tích các văn bản nói và viết tiếng Anh.

8.4.15. Ngôn ngữ học đối chiếu (*Contrastive Linguistics*)

- Mã học phần: FL7015

- Số tín chỉ: 2(2,0)

- Loại học phần: Tự chọn

- Mô tả thông tin học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cần thiết về Ngôn ngữ học đối chiếu, các nguyên tắc, phương pháp, thao tác đối chiếu ngôn ngữ, những kiến thức về các bình diện nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ. Học viên được hướng dẫn để thực hành đối chiếu các hiện tượng ngôn ngữ, các hoạt động lời nói, các hiện tượng lời nói trong thực tế giao tiếp. Sau khi học xong học phần, học viên có thể dụng kiến thức lĩnh hội để đưa vào thực hành đối chiếu các hiện tượng ngôn ngữ trong thực tế giao tiếp, trong công việc và trong nghiên cứu ngôn ngữ.

8.4.16. Ngôn ngữ và Giao tiếp liên văn hóa (*Language and Intercultural Communication*)

- Mã học phần: FL7016

- Số tín chỉ: 2(2,0)

- Loại học phần: Tự chọn

- Mô tả thông tin học phần: Học phần trang bị cho học viên hiểu biết sâu sắc về giao tiếp liên văn hoá trong bối cảnh toàn cầu hoá, giúp học viên có cái nhìn toàn diện, cởi mở về sự khác biệt và đa dạng giữa các nền văn hoá, cũng như trong một nền văn hoá. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng các kĩ năng cần thiết để giao tiếp liên văn hoá, chiêm nghiệm về những giá trị, bản sắc văn hoá cá nhân, và biết trân trọng hơn những tương đồng và khác biệt văn hoá, cũng như giảng dạy ngôn ngữ hiệu quả trong bối cảnh liên văn hoá.

8.4.17. *Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (Language Teaching Methodology)*

- Mã học phần: FL7017

- Số tín chỉ: 2(2,0)

- Loại học phần: Tự chọn

- Mô tả thông tin học phần: Học phần trình bày tổng quan vấn đề lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ; đồng thời cung cấp những kiến thức về xu hướng, chiến lược, phương pháp và kỹ thuật dạy học ngoại ngữ. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng kiến thức lĩnh hội vào việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề liên quan đến lớp học ngoại ngữ, phân tích tình huống và lựa chọn phương pháp dạy phù hợp nhằm thực hiện dạy học ngoại ngữ hiệu quả.

8.4.18. *Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (Language testing and evaluation)*

- Mã học phần: FL7018

- Số tín chỉ: 2(2,0)

- Loại học phần: Tự chọn

- Mô tả thông tin học phần: Học phần trang bị cho học viên những kiến thức tổng quan về kiểm tra, đánh giá năng lực ngôn ngữ cũng như các hình thức kiểm tra đánh giá, tác động của kiểm tra đánh giá đối quá trình học tập và giảng dạy, đánh giá trong lớp học. Học phần cũng giúp học viên phát triển khả năng thiết kế bài kiểm tra đánh giá (thiết kế bản đặc tả kỹ thuật đề thi cho các kỹ năng ngôn ngữ, các bài kiểm tra đánh giá dựa trên bản đặc tả kỹ thuật đề thi), và đánh giá hoạt động kiểm tra đánh giá trong bối cảnh giáo dục cụ thể.

- Sau khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng kiến thức tổng quan về kiểm tra, đánh giá để thiết kế hoạt động kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu và bối cảnh giảng dạy, đồng thời đánh giá hoạt động kiểm tra đánh giá trong bối cảnh giảng dạy cụ thể.

8.4.19. *Ngữ pháp chức năng (Functional Grammar)*

- Mã học phần: FL7019

- Số tín chỉ: 2(2,0)

- Loại học phần: Tự chọn

- Mô tả thông tin học phần: Học phần nhằm trang bị cho học viên tổng quan về lý thuyết chức năng hệ thống do Halliday và các nhà ngôn ngữ học chức năng phát

triển. Học viên được cung cấp một số khái niệm và phạm trù cơ bản, từ khái quát đến cụ thể về ngữ pháp chức năng nói chung, lấy tiếng Anh làm ngôn ngữ minh họa. Sau khi học xong học phần, học viên có hiểu biết về sự hình thành của khuynh hướng ngữ pháp chức năng, ghi nhớ các vấn đề lý thuyết của ngữ pháp chức năng nói chung và tiếng Anh nói riêng; có thể áp dụng vào việc mô tả và phân tích câu tiếng Anh.

8.4.20. *Thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ (Curriculum design)*

- Mã học phần: FL7020

- Số tín chỉ: 2(2,0)

- Loại học phần: Tự chọn

- Mô tả thông tin học phần: Học phần trang bị cho học viên tổng quan vấn đề lý luận trong thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ, các bước thiết kế chương trình và các vấn đề cần quan tâm khi phát triển chương trình dạy học ngoại ngữ. Học phần cũng giúp học viên phát triển khả năng lên ý tưởng, xây dựng kế hoạch thiết kế một chương trình giảng dạy ngoại ngữ, khả năng lựa chọn, điều chỉnh và thiết kế tài liệu giảng dạy phù hợp với mục tiêu giảng dạy và bối cảnh giáo dục cụ thể, đồng thời phát triển khả năng tư duy phản biện, đánh giá sự phù hợp trong thiết kế một chương trình giảng dạy ngoại ngữ cụ thể và đưa ra những giải pháp phù hợp. Sau khi học xong học phần, học viên có thể áp dụng kiến thức lĩnh hội để lên ý tưởng thiết kế một chương trình giảng dạy ngoại ngữ, đánh giá sự phù hợp trong thiết kế trong thiết kế một chương trình giảng dạy ngoại ngữ cụ thể và đưa ra những giải pháp để khắc phục những khía cạnh chưa phù hợp trong thiết kế chương trình.

8.4.21. *Luận văn tốt nghiệp*

- Mã học phần: FL7022

- Số tín chỉ: 10 (0,10)

- Loại học phần: Bắt buộc

- Mô tả thông tin học phần: Luận văn tốt nghiệp trang bị cho học viên kiến thức về thực hiện một công trình nghiên cứu có ý nghĩa khoa học, giá trị thực tiễn, ứng dụng cao về lĩnh vực Ngôn ngữ Anh. Học phần cũng giúp học viên phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập, kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn, kỹ năng dùng thực tiễn để kiểm chứng lý thuyết, kỹ năng viết và trình bày, kỹ năng bảo vệ đề tài nghiên cứu.

Sau khi hoàn thiện luận văn tốt nghiệp, trên cơ sở định hướng và chỉ dẫn của người hướng dẫn khoa học, học viên có thể hoàn thành luận văn tốt nghiệp – một báo cáo khoa học về lĩnh vực Ngôn ngữ Anh. Trong đó, học viên ứng dụng kiến thức sâu rộng và tiên tiến về ngôn ngữ học tiếng Anh và phương pháp luận khoa học để tổng hợp, nghiên cứu, phân tích, phát hiện và giải quyết các vấn đề ngôn ngữ; từ đó gợi ý định hướng hoặc đề xuất giải pháp góp phần đổi mới sáng tạo, hoàn thiện vấn đề ngôn ngữ phát sinh trong thực tiễn.

Sau khi học xong học phần này, người học có thể nắm vững phương pháp luận nghiên cứu khoa học, đặc biệt là nghiên cứu ngành ngôn ngữ để bước đầu thực hiện và báo cáo nghiên cứu độc lập về các lĩnh vực chuyên môn thuộc ngành Ngôn ngữ Anh.

9. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo được đối sánh với chương trình đào tạo của các Trường Đại học uy tín cùng ngành đào tạo trong nước làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình như Trường ĐHNH-ĐHQG HN, Trường Thủ Dầu Một. Bên cạnh đó chương trình đào tạo cũng được đối sánh với chương trình đào tạo của Trường ĐH Seoul Hà Quốc và Trường ĐH Queensland (Úc) là hai trường đại học có đào tạo ngành Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh.

Kết quả cho thấy các chương trình của các Trường Đại học trong nước được so sánh cùng ngành có số tín chỉ cho nhóm kiến thức tương đương phù hợp với yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, số tín chỉ các học phần tự chọn của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội còn thấp. Điều này phụ thuộc vào cách tiếp cận khi xây dựng chương trình.

Bảng 4. Bảng so sánh các khối kiến thức giữa CTĐT của các trường

Tên trường	Trường ĐH Ngoại Ngữ - ĐHQG Hà Nội ^[1]	Trường ĐH Thủ Dầu Một ^[2]	Trường ĐH KHXH& Nhân văn (ĐHQG Seoul – Hàn Quốc) ^[3]	Trường ĐH Queenslan d (Úc) ^[4]	Trường ĐHCNHN
Khối kiến thức					
Khối kiến chung	7	12	5		3

Kiến thức cơ sở ngành	27	7	15	16	12
Kiến thức chuyên ngành	10	24	20	20	20
Luận văn tốt nghiệp	7	17	10	7	10

Bảng 5. Bảng so sánh các học phần tương đồng giữa các trường

Học phần Tên trường	Trường ĐH Ngoại Ngữ - ĐHQG Hà Nội^[1]	Trường ĐH Thủ Đầu Một^[2]	Trường ĐH KHXH& Nhân văn (ĐHQG Seoul) (Hàn Quốc)^[3]	Trường ĐH Queensl and (Úc)^[4]	Trường ĐHCNHN
Triết học (Philosophy)	x	x			x
Ngoại ngữ 2* (Second foreign language)	x	x		x	x
Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Anh) (General Linguistics (English))	x				x
Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh) (Applied Linguistics (English))	x	x	x	x	x
Phương pháp nghiên cứu khoa học (Scientific Research Methods)	x	x		x	x
Tiếng Anh viết khoa học (Academic Written English)	x	x	x	x	x

Tên trường Học phần	Trường ĐH Ngoại Ngữ - ĐHQG Hà Nội^[1]	Trường ĐH Thủ Đầu Một^[2]	Trường ĐH KHXH& Nhân văn (ĐHQG Seoul) (Hàn Quốc) ^[3]	Trường ĐH Queensl and (Úc)^[4]	Trường ĐHCNHN
Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive linguistics)		x		x	x
Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (Language Teaching Methodology)	x			x	x
Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (Language testing and evaluation)		x		x	x
Thiết kế chương trình dạy học ngoại ngữ (Curriculum Design)		x		x	x
Ngôn ngữ và Giao tiếp liên văn hóa (Language and Intercultural Communication)	x	x		x	x
Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Anh) (Contrastive Linguistics (English))	x	x	x		x
Tiếng Anh chuyên	x				x

Tên trường Học phần	Trường ĐH Ngoại Ngữ - ĐHQG Hà Nội^[1]	Trường ĐH Thủ Dầu Một^[2]	Trường ĐH KHXH& Nhân văn (ĐHQG Seoul) (Hàn Quốc) ^[3]	Trường ĐH Queensl and (Úc)^[4]	Trường ĐHCNHN
ngành (English for Specific Purposes)					
Nghiên cứu dịch thuật	x	x			
Dịch thuật tài liệu chuyên ngành (ESP Translation)					x
Ngữ âm, âm vị học tiếng Anh nâng cao (Advanced English Phonetics and Phonology)	x	x	x	x	x
Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao (Advanced English Grammar)	x	x	x	x	x
Ngữ pháp chức năng (Functional Grammar)	x				x
Ngữ dụng học (Pragmatics)	x	x	x	x	x
Ngữ nghĩa học tiếng Anh (English Semantics)	x		x		x
Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)	x	x	x		x

Học phần	Tên trường	Trường ĐH Ngoại Ngữ - ĐHQG Hà Nội ^[1]	Trường ĐH Thủ Dầu Một ^[2]	Trường ĐH KHXH& Nhân văn (ĐHQG Seoul) (Hàn Quốc) ^[3]	Trường ĐH Queensl and (Úc) ^[4]	Trường ĐHCNHN
Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)		X	X		X	X
Thực tập						
Luận văn tốt nghiệp		X	X	X	X	X

^[1] Việt Nam

- + Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội
- + Địa chỉ trang Web: <http://ulis.vnu.edu.vn/3-cong-khai/>
- + Tham khảo khung CTĐT năm: 2018

^[2] Việt Nam

- + Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Thủ Dầu Một
- + Địa chỉ trang Web: <https://tdmu.edu.vn/tt09>
- + Tham khảo khung CTĐT năm: 2018

^[3] Quốc tế

- + Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Nhân văn – ĐHQG Seoul
- + Địa chỉ trang Web: http://humanities.snu.ac.kr/en/English_Language_Graduate
- + Tham khảo khung CTĐT năm: 2018

^[4] Quốc tế

- + Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Queensland
- + Địa chỉ trang Web: https://my.uq.edu.au/programscourses/program_list.html?acad_prog=5465&year=2019
- + Tham khảo khung CTĐT năm: 2018

10. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội./.

Hà Nội, ngày 17 tháng 05 năm 2019

KT HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phạm Văn Bổng

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Hoàng Ngọc Tuệ

PHỤ LỤC: TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

I. Các văn bản pháp lý

- Hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của BGD&ĐT 2016;

- Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13;

- Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Căn cứ Quyết định 41/QĐ-ĐHCN ngày 06/01/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

- Căn cứ Quy định kèm theo Quyết định số 351/QĐ-ĐHCN ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

II. Khung chương trình các trường đại học khác:

***CTĐT của 02 trường ĐH trong nước**

+ Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội

+ Địa chỉ trang Web: <http://ulis.vnu.edu.vn/3-cong-khai/>

+ Tham khảo khung CTĐT năm: 2018

+ Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Thủ Dầu Một

+ Địa chỉ trang Web: <https://tdmu.edu.vn/tt09>

+ Tham khảo khung CTĐT năm: 2018

***CTĐT của 02 trường ĐH nước ngoài**

+ Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Nhân văn – ĐHQG Seoul

+ Địa chỉ trang Web:

http://humanities.snu.ac.kr/en/English_Language_Graduate

+ Tham khảo khung CTĐT năm: 2018

+ Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Queensland

+ Địa chỉ trang Web:

https://my.uq.edu.au/programscourses/program_list.html?acad_prog=5465&year=2019

+ Tham khảo khung CTĐT năm: 2018

CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÁC

1. Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 quy định Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ.

(<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-23-2021-TT-BGDĐT-Quy-che-tuyen-sinh-va-dao-tao-trinh-do-thac-si-486650.aspx>)

2. Khung trình độ Quốc gia Việt Nam (số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016)

(<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Quyết-dinh-1982-QĐ-TTg-phe-duyet-khung-trinh-do-quoc-gia-Viet-Nam-2016-327841.aspx>)

3. Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 quy định Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam.

(<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-01-2014-TT-BGDĐT-Khung-nang-luc-ngoai-ngu-6-bac-Viet-Nam-220349.aspx>)

4. Hướng dẫn thủ tục, quy trình cập nhật, chỉnh sửa CTĐT trình độ Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ do Trường ĐH Công nghiệp Hà nội ban hành.

(QT/7.3/ĐT/CNCTĐT ban hành ngày 15/1/2019)

5. Kế hoạch số 27/KH-ĐHCN về việc đánh giá, cải tiến CTĐT trình độ thạc sĩ năm 2019 của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH.....	1
2.1 Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội.....	1
2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng – Chiến lược phát triển của Đơn vị Khoa Ngoại ngữ.....	5
2.3. Mục tiêu của chương trình	7
4. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN.....	9
TỐT NGHIỆP.....	9
4.1. Thông tin tuyển sinh.....	9
4.2. Quy trình đào tạo.....	10
4.3 Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp.....	10
6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP	11
6.1. Chuẩn bị của giảng viên	12
6.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học	12
6.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học	13
7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ.....	14
7.1. Quy trình đánh giá.....	14
7.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá.....	14
8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	14
8.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa.....	15
8.2 Nội dung chương trình	16
8.3. Sơ đồ tiến trình đào tạo	18
9. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	27
10. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	31
PHỤ LỤC: TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH	33